



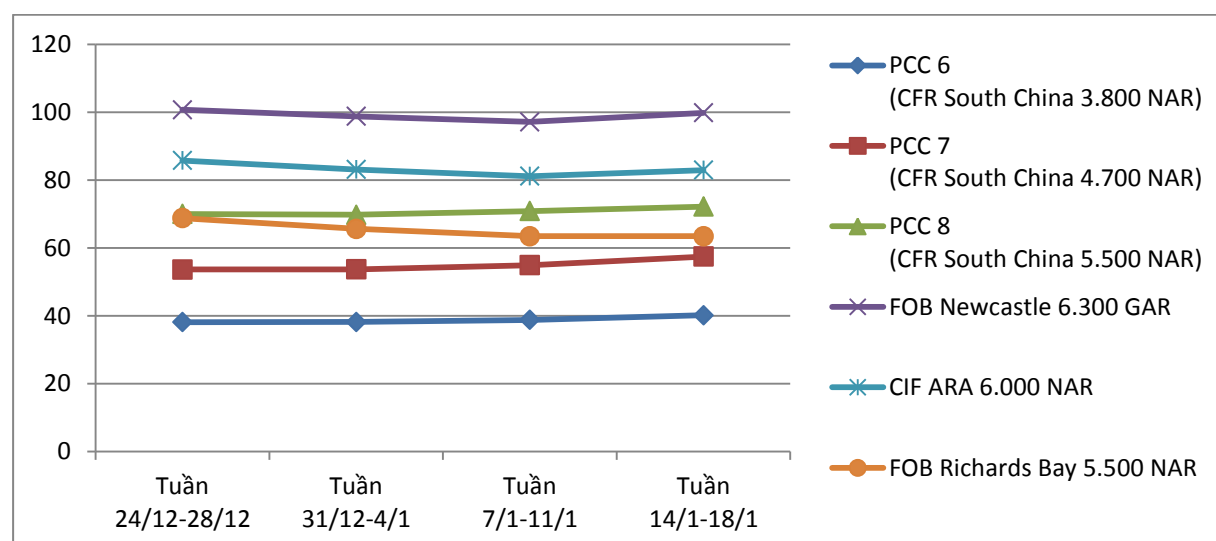
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
BẢN TIN THAN TUẦN 3 - THÁNG 1
(Từ 14/01 – 18/01)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

| Chỉ số giá | Tuần 24/12-28/12 | Tuần 31/12-4/1 | Tuần 7/1-11/1 | Tuần 14/1-18/1 |
|--------------------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------|
| PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR) | 38,1 | 38,15 | 38,76 | 40,14 |
| PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR) | 53,60 | 53,65 | 54,88 | 57,42 |
| PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR) | 70 | 69,75 | 70,81 | 72,15 |
| FOB Newcastle 6,300 GAR | 100,68 | 98,75 | 97,1 | 99,8 |
| CIF ARA 6,000 NAR | 85,73 | 83,07 | 81,11 | 82,9 |
| FOB Richards Bay 5,500 NAR | 68,73 | 65,6 | 63,43 | 66,81 |
| NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR) | 102,55 | 102,55 | 97,61 | 99,30 |



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 3 tháng 1 (2019)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

| | Cước vận tải tuần 3 tháng 1 | 14/1 | 15/1 | 16/1 | 17/1 | 18/1 |
|-----------------------------------|-----------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tàu Capesize (150,000 tấn) | | | | | | |
| 1 | Úc – Trung Quốc | 7,70 | 7,15 | 7,15 | 7,65 | 8,45 |
| 2 | Queensland – Nhật Bản | 8,60 | 7,95 | 7,95 | 8,55 | 9,50 |
| 3 | New South Wales – Hàn Quốc | 9,45 | 8,80 | 8,80 | 9,40 | 10,35 |
| Tàu Panamax (70,000 tấn) | | | | | | |
| 1 | Richards Bay - Tây Ấn Độ | 12,00 | 12,00 | 11,20 | 11,20 | 11,20 |
| 2 | Kalimantan - Tây Ấn Độ | 8,00 | 7,85 | 7,65 | 7,65 | 7,50 |
| 3 | Richards Bay - Đông Ấn Độ | 12,20 | 12,20 | 11,40 | 11,35 | 11,35 |
| 4 | Kalimantan - Đông Ấn Độ | 6,65 | 6,50 | 6,35 | 6,35 | 6,20 |
| 5 | Úc - Trung Quốc | 10,80 | 10,75 | 10,50 | 10,45 | 10,45 |
| 6 | Úc - Ấn Độ | 12,10 | 12,00 | 11,75 | 11,70 | 11,70 |

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

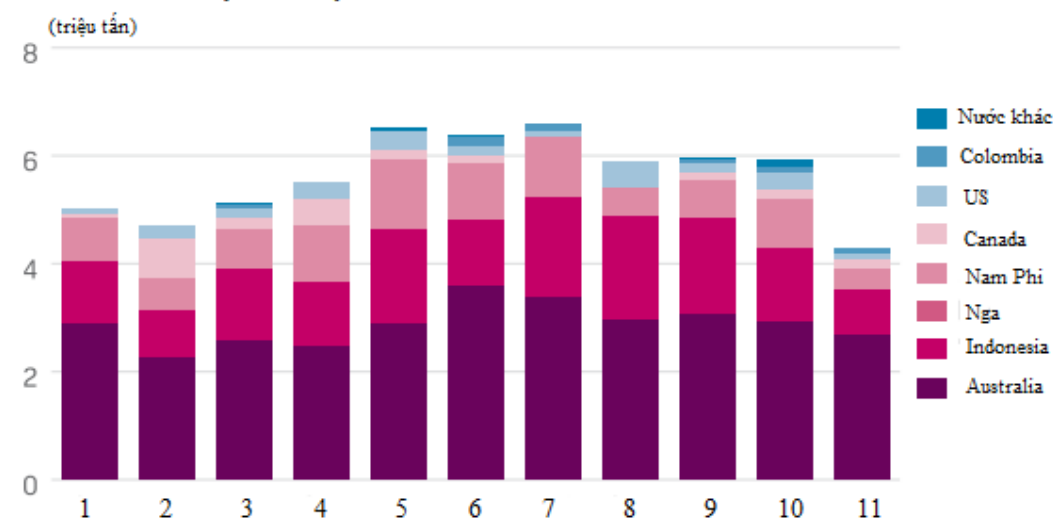
II. ĐIỂM TIN

Đài Loan nhập khẩu 5,4 triệu tấn than trong tháng 11, giảm 8% so với tháng 10

Lượng than nhiệt nhập khẩu của Đài Loan trong tháng 11 giảm 8% so với tháng 10 lên mức 5,4 triệu tấn, tăng 16% so với năm 2017, dữ liệu Hải quan cho biết. Lượng than nhập khẩu từ đầu năm tháng 11 đạt 63 triệu tấn. Trong đó than sub-bitum đạt 1,24 triệu tấn, tăng 43% so với tháng 10, than bitum giảm 17% so với tháng 10 còn 4,2 triệu tấn. Than nhập khẩu từ Australia tiếp tục chiếm chủ yếu với 2,69 triệu tấn, giảm 8% so với tháng 10 nhưng tăng 54% so với năm 2017.

Than nhập khẩu từ Indonesia đạt 824.537 tấn trong tháng 11, mức thấp nhất theo dữ liệu của S&P Global Platts kể từ năm 2012. Khối lượng than xuất khẩu từ Indonesia đến Đài Loan trong tháng 11 đã giảm 40% so với tháng trước đó và giảm 30% so với năm 2017. Nga là nước xuất khẩu than sang Đài Loan lớn thứ 3, với khối lượng trong tháng 11 đạt 417.810 tấn, giảm 54% so với tháng 10 và giảm 35% so với năm 2017. Mức giá trung bình khu vực Nam Á (NEAT index) của than nhiệt trị 5.750 kcal/kg đạt 81,78 USD/tấn trong tháng 11, giảm 6,23 USD/tấn so với tháng trước đó.

THAN NHIỆT NHẬP CỦA ĐÀI LOAN



Nguồn: Dữ liệu Hải quan

Aurizon đưa 96 toa tàu chở than đến cảng Newcastle để xuất khẩu sang Châu Á

Một chuyến hàng bao gồm 96 toa tàu chở than đã đến cảng Newcastle trong ngày 12-13 tháng 1 để xuất khẩu sang Châu Á than nhiệt chất lượng cao Hunter Valley, theo thông tin từ Aurizon (Australia) hôm thứ 4 (17/1). Aurizon cho biết nhu cầu mua than nhiệt trị cao, độ tro thấp tại các nền kinh tế đang phát triển tăng cao tại khu vực Châu Á, ví dụ Ấn Độ. Ông Ed Mackeiver, Giám đốc điều hành của Aurizon cho biết: “Mặc dù Nhật Bản tiếp tục là nước đối tác mua than lớn nhất của Australia, với 80 triệu tấn than nhiệt được nhập khẩu từ Australia trong năm tài chính 2018 (80% đến từ Hunter Valley), gần 10 triệu tấn đã được xuất khẩu từ cảng than Newcastle, tới các đối tác mới như Ấn Độ, Malaysia, Philippines và Thái Lan trong cùng kỳ”.

Ông Mackeiver cho biết, các toa tàu này chỉ là một phần của đơn đặt hàng lớn hơn của công ty và sẽ mở rộng đội vận chuyển lên tới 9.000 toa tàu. Ông Mackeiver cho biết: “Chúng tôi tiếp tục nhận thấy tốc độ tăng trưởng chóng mặt tại khu vực Hunter Valley, với lượng than vận chuyển đã tăng 10% trong năm 2018, tăng từ 47,7 triệu tấn trong năm 2017 đến 52,3 triệu tấn trong năm 2018”. S&P Global Platts định giá than Newcastle 6.300 kcal/kg GAR, 7-45 ngày tại mức 101,20 USD/tấn vào thứ 4 (16/1).

Các nhà máy giảm tiêu thụ than khiến cước vận chuyển giảm trong tuần

Cước vận chuyển từ phía Bắc Tàn Hoàng Đảo đến những cảng khác của Trung Quốc như Tân Gia Cảng, Thượng Hải và Quảng Châu tại miền Nam và miền Đông Trung Quốc giảm trong tuần tính đến 15/1, theo thông tin từ cảng vận Tàn Hoàng Đảo. Cước vận chuyển từ Tàn Hoàng Đảo đến Tân Gia Cảng tại miền Đông tỉnh Giang Tô Trung Quốc cho tàu 20.000-30.000 tấn giảm 3,50 NDT/tấn trong tuần xuống còn 34,10 NDT/tấn (5,05 USD/tấn).

Cước vận chuyển từ Tàn Hoàng Đảo đến Thượng Hải, miền Đông Trung Quốc đối với tàu công suất 40.000-50.000 tấn giảm 5,20 NDT/tấn xuống còn 22,40 NDT/tấn. Cước vận chuyển từ Tàn Hoàng Đảo tới Quảng Châu, miền Nam tỉnh Quảng Đông cho tàu 50.000-60.000 tấn, giảm 4,20 NDT/tấn trong tuần xuống còn 31,40 NDT/tấn. Do các nhà máy đã bắt đầu đóng cửa trước kỳ nghỉ Tết diễn ra vào đầu tháng 2, tỉ lệ tiêu thụ than tại các NMNĐ tại miền Nam và miền Đông Trung Quốc đã giảm và khiến cước vận chuyển trên thị trường giảm theo. Trữ lượng than tại Tàn Hoàng Đảo đạt 6,135 triệu tấn tính đến thứ 3 (15/1), tăng từ con số 5,735 triệu tấn của tuần trước, dữ liệu cảng cho thấy.

(Nguồn: www.spglobal.com)